

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP THÔNG QUA PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH – MỘT NGHIÊN CỨU TẠI TẬP ĐOÀN FPT

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Tóm tắt

FPT là tập đoàn công nghệ hàng đầu Việt Nam. FPT hoạt động trong 03 lĩnh vực kinh doanh cốt lõi: công nghệ, viễn thông và giáo dục. Có nhiều đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của FPT với các mục đích khác nhau. Việc đánh giá hiệu quả tài chính của doanh nghiệp thông qua phân tích báo cáo tài chính cung cấp những thông tin tài chính quan trọng hỗ trợ cho việc ra quyết định của các nhà quản lý doanh nghiệp và các đối tượng sử dụng thông tin tài chính khác. Bài báo này tập trung vào việc phân tích từ khái quát đến chi tiết các chỉ tiêu tài chính quan trọng trong các báo cáo tài chính của FPT. Từ đó, đánh giá hiệu quả tài chính của doanh nghiệp và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính cho doanh nghiệp.

Từ khóa: báo cáo tài chính, chỉ tiêu tài chính, FPT, hiệu quả tài chính

EVALUATE ENTERPRISES' FINANCIAL EFFECTIVENESS THROUGH ANALYSIS OF FINANCIAL STATEMENTS - A STUDY IN FPT CORPORATION

Abstract

FPT is a leading technology corporation in Vietnam. FPT operates in three core business sectors: technology, telecommunications and education. There are many parties who are interested in FPT's financial situation with different purposes. Evaluating an enterprise's financial effectiveness through analysis of financial statements provides important financial information that supports decision-making of corporate managers and other users. This paper focuses on from the general to detailed analyses of key financial indicators in FPT's financial statements. Then, it evaluates the enterprise's financial effectiveness and suggests some solutions to improve the efficiency of financial operations for the corporation.

Keywords: financial statements, financial indicators, FPT, financial effectiveness.

JEL classification: G; G12

1. Đặt vấn đề

Do nhu cầu sử dụng thông tin tài chính của doanh nghiệp rất đa dạng, vì vậy việc đánh giá hiệu quả tài chính có thể được tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau, phân tích báo cáo tài chính là một trong những phương pháp được nhiều đối tượng lựa chọn để đánh giá chính xác hiệu quả tài chính của một doanh nghiệp.

Phân tích báo cáo tài chính là phương pháp phân tích tình hình tài chính dựa trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu tài chính trong các báo cáo tài chính của doanh nghiệp [5]. Hay nói một cách khác, phân tích báo cáo tài chính là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu và so sánh số liệu về tài chính trong kỳ hiện tại với các kỳ sản xuất kinh doanh đã qua [2].

Để có cái nhìn toàn diện và đánh giá một cách chính xác hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, bài báo này sẽ đi vào phân tích từ khái quát đến chi tiết các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính của tập đoàn FPT. Thông qua việc phân tích báo cáo tài

chính của tập đoàn FPT, nhà quản lý và những đối tượng sử dụng thông tin tài chính có thể đánh giá được chính xác hiệu quả tài chính cũng như dự báo được những rủi ro về tài chính trong tương lai mà doanh nghiệp. Từ đó, giúp họ đưa ra những quyết định và lựa chọn đúng đắn để đạt được những mục tiêu đã đề ra.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Những năm gần đây, đã có nhiều nghiên cứu về việc đánh giá hiệu quả tài chính của doanh nghiệp như:

Mai Diễm Lan Hương (2017) phân tích hiệu quả tài chính của 20 doanh nghiệp nhưng việc đánh giá hiệu quả tài chính còn mang tính khái quát, không đưa ra những đánh giá chi tiết.

Trương Đông Lộc, Trần Quốc Tuấn (2009) đã đánh giá chi tiết hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, tuy nhiên việc phân tích còn mang tính phiến diện, chủ yếu chỉ đánh giá về hiệu quả tài chính thông qua nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời.

Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Hạnh Duyên (2016) chủ yếu phân tích các chỉ tiêu đánh giá cấu trúc và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp nhưng không áp dụng vào một doanh nghiệp cụ thể nào.

Bằng các phương pháp thống kê mô tả, tổng hợp, so sánh và phân tích tài chính thông qua các nhóm chỉ tiêu tài chính, tác giả thực hiện việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp từ khái quát đến chi tiết, qua đó đánh giá chính xác hiệu quả tài chính của doanh nghiệp và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho doanh nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nguồn số liệu

Bài báo sử dụng nguồn số liệu thứ cấp từ hệ thống báo cáo tài chính của các CTCP FPT, CTCP Tin học viễn thông Petrolimex (PIA) và CTCP đầu tư Thế giới di động (MWG) trong giai đoạn 2018-2020. Ngoài ra, tác giả còn tham khảo thêm một số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Trên cơ sở đó, tác giả tổng hợp số liệu cần thiết phục vụ quá trình nghiên cứu.

Bảng 1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của FPT giai đoạn 2018-2020 [1] (Đvt: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		2019/ 2018	2020/ 2019
	Số tiền	(%)	Số tiền	(%)	Số tiền	(%)	(%)	(%)
TỔNG TÀI SẢN	29.757	100	33.394	100	41.749	100	12,2	25,0
- Tài sản ngắn hạn	18.406	61,9	18.979	56,8	25.608	61,3	3,1	34,9
- Tài sản dài hạn	11.351	38,1	14.415	43,2	16.141	38,7	27,0	12,0
- Nợ phải trả	14.982	50,3	16.595	49,7	23.147	55,4	10,8	39,5
- Vốn chủ sở hữu	14.775	49,7	16.799	50,3	18.603	44,6	13,7	10,7

Nguồn: Báo cáo tài chính của FPT giai đoạn 2018-2020 và tính toán của tác giả

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đánh giá cơ cấu tài sản và nguồn vốn của FPT giai đoạn 2018-2020

Xét về cơ cấu đầu tư tài sản, từ số liệu ở bảng 1 cho thấy: FPT đầu tư chủ yếu vào tài sản ngắn hạn (trên 56%) trong giai đoạn 2018-2020. Về giá trị, tài sản ngắn hạn tăng mạnh nhất vào năm 2020 (34,9%). Tỷ trọng vốn đầu tư vào tài sản dài hạn tuy có tăng trong năm 2019 (chiếm tỷ trọng 43,2%, tăng 27% về giá trị so với năm 2018) nhưng đến năm 2020 tỷ trọng tài sản dài hạn lại giảm xuống còn 38,7%. Điều đó cho thấy FPT không chú trọng đầu tư mới công nghệ hay tài sản cố định để phát triển lâu dài mà chú trọng đầu tư nhiều hơn vào tài sản ngắn hạn. Tổng tài sản của doanh nghiệp trong giai đoạn 2018-2020 tăng đáng kể. Năm 2019 tổng tài sản tăng 12,2% so với năm

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. *Phương pháp thống kê mô tả*: Tác giả sử dụng phương pháp này để mô tả và phân tích khái quát thực trạng tình hình tài chính của tập đoàn FPT trong 3 năm gần đây.

3.2.2. *Phương pháp tổng hợp, so sánh*: Sau khi thu thập được số liệu nghiên cứu về tình hình tài chính của FPT và hai doanh nghiệp khác cùng ngành, tác giả tiến hành lập bảng thống kê để tổng hợp và so sánh số liệu. Ngoài ra tác giả còn ứng dụng phần mềm tin học Microsoft Excel và các công cụ máy tính khác để xử lý dữ liệu tài chính.

3.2.3. *Phương pháp phân tích tài chính thông qua các nhóm chỉ tiêu tài chính*:

Tác giả tiến hành phân tích các hệ số cụ thể trong các nhóm chỉ tiêu tài chính của FPT có so sánh với hai doanh nghiệp khác cùng ngành dựa trên số liệu từ báo cáo tài chính của các doanh nghiệp này trong giai đoạn 2018-2020 để đưa ra những nhận xét và đánh giá hiệu quả tài chính của FPT.

2018, năm 2020 tổng tài sản của FPT tăng 25% so với năm 2019 chủ yếu do tăng tài sản ngắn hạn.

Xét về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng trên 49% tổng nguồn vốn. Năm 2020 nợ phải trả chiếm tỷ trọng 55,4% tổng nguồn vốn tăng 39,5% so với năm 2019. Giai đoạn này, vốn chủ sở hữu luôn chiếm tỷ trọng trên 44% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp, năm 2018 và 2019 chỉ tiêu này chiếm tỷ trọng lần lượt là 49,7% và 50,3% tổng nguồn vốn. Năm 2020 tỷ trọng của chỉ tiêu này trong nguồn vốn có giảm còn 44,6% do nợ phải trả tăng cao nhưng vốn chủ sở hữu vẫn chiếm tỷ trọng tương đối cao so với các doanh nghiệp khác trên thị trường. Thực tế cho thấy, giá trị vốn chủ sở hữu vẫn tăng qua các năm, cụ thể là năm 2019 tăng 13,7% so với năm 2018, năm 2020 tăng 10,7% so với năm 2019.

Xét về tổng thể, giá trị các chỉ tiêu tài chính quan trọng thể hiện trong cơ cấu tài sản và nguồn

vốn của FPT trong giai đoạn 2018-2020 đều tăng nhưng chưa ổn định qua các năm.

Bảng 2. Doanh thu và lợi nhuận của FPT giai đoạn 2018-2020 [1] (Đvt: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	2019/2018 (%)	2020/2019 (%)
Doanh thu BH&CCDV	23.259	27.792	29.922	19,49	7,66
Doanh thu thuần	23.214	27.717	29.830	19,40	7,63
Lợi nhuận gộp	8.723	10.712	11.816	22,80	10,30
Doanh thu hoạt động tài chính	600	650	822	8,40	26,35
Phần lãi trong công ty liên kết	439	405	312	-7,77	-22,90
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	3.800	4.610	5.188	21,32	12,54
Lợi nhuận khác	58	55	73	-5,39	33,20
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.858	4.665	5.261	20,92	12,79
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.234	3.912	4.422	20,96	13,06

Nguồn: Báo cáo tài chính của FPT giai đoạn 2018-2020 và tính toán của tác giả

4.2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2018-2020

Dựa vào bảng 2, ta có thể phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty FPT trong giai đoạn 2018-2020 thể hiện qua các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận như sau:

Các chỉ tiêu doanh thu của FPT đều tăng trong giai đoạn 2018-2020. Năm 2019 so với năm 2018, doanh thu bán hàng & CCDV tăng 19,49%, doanh thu thuần tăng 19,4%, doanh thu hoạt động tài chính tăng 8,4%.

Đa số các chỉ tiêu lợi nhuận trong giai đoạn này tăng, các chỉ tiêu này tăng mạnh vào năm 2019: lợi nhuận gộp tăng 22,8%, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 21,32%, lợi nhuận trước thuế tăng 20,92% và lợi nhuận sau thuế tăng 20,96% so với năm 2018 do năm 2019 FPT phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, mở rộng thị trường tiêu thụ, sản phẩm và dịch vụ đa dạng đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng và áp dụng hiệu quả các chính sách thúc đẩy tiêu thụ như quảng cáo, khuyến mại. Chỉ có 2 chỉ tiêu là phần lãi trong công ty liên kết và lợi nhuận khác giảm do các công ty liên kết của FPT hoạt động kinh doanh không hiệu quả và phần tài sản thanh lý của công ty đa số là máy tính, đây là loại tài sản khấu hao nhanh nên giá trị thanh lý bị đánh giá thấp.

Năm 2020 mặc dù hiệu quả kinh doanh của FPT không tăng cao như năm 2019 do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid gây khó khăn rất nhiều cho việc kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trên thị trường nhưng hầu hết các chỉ số doanh thu và lợi nhuận quan trọng của FPT vẫn

tăng cho thấy vị thế và uy tín của FPT trên thị trường là rất lớn.

Như vậy, giai đoạn 2018-2020 hầu hết các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận quan trọng của FPT đều tăng nhưng tăng mạnh nhất vào năm 2019.

4.3. Đánh giá hiệu quả tài chính thông qua phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính

Để có thể đánh giá hiệu quả tài chính của FPT một cách chi tiết và khách quan hơn, chúng ta sẽ phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính cụ thể có so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành. Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex (PIA) và Công ty cổ phần đầu tư Thế giới di động (MWG) là hai doanh nghiệp công nghệ hàng đầu Việt Nam ngang tầm với FPT. Tác giả sẽ tiến hành phân tích và so sánh các hệ số trong các nhóm chỉ tiêu tài chính quan trọng để đánh giá được hiệu quả tài chính của FPT so với các doanh nghiệp cùng ngành.

4.3.1. Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lợi

Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lợi của FPT (bảng 3) cho thấy: Tỷ suất sinh lợi tổng tài sản (ROA) luôn đạt giá trị trên 11,7% có nghĩa là 100 đồng tài sản tạo ra trên 11,7 đồng lợi nhuận ròng. Chỉ số này cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản tốt. Tỷ suất sinh lợi vốn chủ sở hữu (ROE) trong giai đoạn này đạt trên 23% là khá cao thể hiện hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu tốt, điều này có nghĩa là 100 đồng vốn chủ sở hữu tạo ra 23 đồng lợi nhuận ròng. Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần (ROS) giai đoạn này có xu hướng tăng dần và đều đạt giá trị trên 13,9% cho thấy trong 100 đồng doanh thu thuần thu được thì có trên 13,9 đồng lợi nhuận ròng. Chỉ tiêu này cũng chứng tỏ

hiệu quả sử dụng chi phí của doanh nghiệp tốt. Xét chỉ số lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) của FPT: Năm 2018, FPT có trên 674,3 triệu cổ phiếu. Số cổ phiếu này tăng mạnh mẽ trong giai đoạn 2018-2020, năm 2020 số cổ phiếu của FPT đạt trên

783,1 triệu cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng. Chỉ số lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu EPS các năm 2018, 2019, 2020 tăng đều lần lượt đạt giá trị là: 3.546 đồng; 3.667 đồng; 4.119 đồng.

Bảng 3. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lợi giai đoạn 2018-2020 [1]

CHỈ TIÊU	FPT			PIA			MWG		
	2018	2019	2020	2018	2019	2020	2018	2019	2020
1. Tỷ suất sinh lợi tổng tài sản ROA (%)	11,81	12,39	11,77	19,23	15,73	12,75	11,3	10,98	8,93
2. Tỷ suất sinh lợi vốn chủ sở hữu ROE (%)	23,09	24,78	24,98	31,47	26,18	21,51	38,66	36,3	28,36
3. Tỷ suất sinh lợi doanh thu thuần ROS (%)	13,93	14,11	14,83	11,8	11,65	11,66	3,33	3,75	3,61
4. Chỉ số lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu EPS (đồng)	3546	3667	4119	5524	4319	3421	8672	8660	8655

Nguồn: Báo cáo tài chính của FPT, PIA, MWG giai đoạn 2018-2020 và tính toán của tác giả

So với các doanh nghiệp cùng ngành như PIA và MWG chúng ta thấy:

Tỷ suất sinh lợi tổng tài sản ROA của FPT không cao: cao hơn MWG nhưng thấp hơn PIA, tuy nhiên cơ bản hệ số này của FPT tương đối ổn định qua các năm còn PIA và MWG hệ số này có xu hướng giảm nhiều trong giai đoạn 2018-2020.

Tỷ suất sinh lợi vốn chủ sở hữu ROE của FPT thấp hơn PIA và MWG nhưng có xu hướng tăng lên qua các năm trong giai đoạn này, còn PIA và MWG đều có xu hướng giảm mạnh.

Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần ROS của FPT vượt trội hơn hẳn PIA và MWG trong giai đoạn này và có xu hướng tăng dần. Hệ số này của PIA và MWG có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2018-2020.

Chỉ số lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) của FPT trong giai đoạn 2018-2020 còn thấp hơn một

số doanh nghiệp khác cùng ngành như PIA và MWG nhưng điểm mạnh của FPT là chỉ số này có xu hướng tăng lên mạnh mẽ qua các năm còn PIA và MWG lại có xu hướng giảm dần qua các năm, đặc biệt là PIA chỉ số này giảm mạnh.

Qua phân tích và so sánh các chỉ số trong nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lợi ta thấy: nhìn chung, giá trị các chỉ số phản ánh khả năng sinh lợi của FPT tuy không cao hơn so với một số doanh nghiệp cùng ngành nhưng khá ổn định và có xu hướng tăng đều qua các năm thể hiện sự phát triển bền vững và chiến lược phát triển đúng đắn, hiệu quả của FPT.

4.3.2. Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán (bảng 4), chúng ta thấy được các hệ số khả năng thanh toán của công ty đều rất tốt và tương đối ổn định.

Bảng 4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán giai đoạn 2018-2020 [1]

CHỈ TIÊU	FPT			PIA			MWG		
	2018	2019	2020	2018	2019	2020	2018	2019	2020
1. Hệ số thanh toán hiện hành (lần)	1,99	2,01	1,80	2,79	2,29	2,67	1,47	1,41	1,51
2. Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,27	1,18	1,14	2,51	2,09	2,33	1,3	1,23	1,27
3. Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,66	0,63	0,76	2,25	1,93	2,14	0,33	0,33	0,61
4. Hệ số thanh toán nợ dài hạn (lần)	21,38	29,26	21,11	-	-	-	3,93	5,96	7,73
5. Hệ số thanh toán lãi vay (lần)	17,19	13,99	14,65	-	-	-	9,68	9,89	10,1

Nguồn: Báo cáo tài chính của FPT, PIA, MWG giai đoạn 2018-2020 và tính toán của tác giả

Cụ thể là khả năng thanh toán hiện hành của công ty năm 2018 bằng 1,99 hay 1 đồng nợ phải trả được đảm bảo bằng 1,99 đồng tài sản. Khả năng thanh toán hiện hành các năm 2019, 2020 lần lượt là 2,01 và 1,8 đều rất cao. Chi tiết chúng ta

thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, nợ dài hạn và lãi vay đều cao cho thấy khả năng thanh toán của công ty rất tốt. Chỉ duy nhất có chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán nhanh của FPT trong giai đoạn này có giá trị nhỏ hơn 1, cụ thể các năm 2018,

2019, 2020 giá trị của chỉ tiêu này lần lượt là 0,66; 0,63; 0,76; Tuy nhiên, chỉ tiêu này được cho là tốt nhất khi giá trị trong khoảng từ 0,5 đến 1.

So với các doanh nghiệp cùng ngành như PIA và MWG chúng ta thấy: các chỉ số về khả năng thanh toán của FPT đều đảm bảo, tuy chưa phải là mức cao nhất nhưng cũng thể hiện khả năng thanh toán tốt và ổn định của doanh nghiệp. Các hệ số khả

năng thanh toán nợ dài hạn và khả năng thanh toán lãi vay của FPT đều rất cao so với MWG (PIA không vay) do FPT vay ngân hàng ít (trong đó vay dài hạn chiếm tỷ trọng rất thấp) nên lãi vay phải trả không nhiều. Như vậy, giai đoạn 2018-2020 FPT có khả năng thanh toán rất tốt và ổn định với tất cả các hệ số về khả năng thanh toán đều đảm bảo ở ngưỡng an toàn.

Bảng 5. Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động giai đoạn 2018-2020 [1]

CHỈ TIÊU	ĐVT	FPT			PIA			MWG		
		2018	2019	2020	2018	2019	2020	2018	2019	2020
1. Vòng quay hàng tồn kho	vòng	19,66	21,12	23,2	14,3	10,7	9,1	4,8	3,8	3,8
2. Số ngày tồn kho	ngày	18	17	16	128	163	177	76	95	97
3. Vòng quay khoản phải thu	vòng	3,59	4,16	4,48	2,8	2,2	2,1	96,1	323,4	473,3
4. Kỳ thu tiền bình quân	ngày	100	87	80	128	163	177	4	1	1
5. Vòng quay TSLĐ	vòng	1,35	1,48	1,34	1,8	1,5	1,2	4,1	3,5	3
6. Vòng quay TSCĐ	vòng	3,95	3,96	3,77	40	32,1	31,0	25,5	23,4	17,1
7. Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,85	0,88	0,80	1,6	1,4	1,09	3,4	2,93	2,47
8. Vòng quay Vốn CSH	vòng	1,66	1,76	1,69	2,7	2,3	1,8	11,6	9,7	7,9

Nguồn: Báo cáo tài chính của FPT, PIA, MWG giai đoạn 2018-2020 và tính toán của tác giả

4.3.3. Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động

Phân tích nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động (bảng 5) cho thấy: Vòng quay hàng tồn kho trong giai đoạn 2018-2020 cao hơn so với các công ty cùng ngành như PIA và MWG, chỉ số này có FPT có xu hướng tăng dần cho thấy phản ánh khả năng quản lý kho tốt. Năm 2020 có vòng quay hàng tồn kho rất nhanh là 23,18 vòng/năm. Vòng quay nhanh tạo ra nhiều lợi nhuận, giảm chi phí, giảm hao hụt về tồn đọng vốn. Chính vì vậy mà số ngày tồn kho của công ty có xu hướng giảm dần, và luôn đảm bảo nhỏ hơn 20 ngày, số ngày tồn kho của FPT nhỏ hơn rất nhiều so với PIA và MWG. Vòng quay các khoản phải thu trong giai đoạn này giao động trong khoảng từ 3,59 đến 4,48 vòng/năm, chỉ số này là chưa cao so với các doanh nghiệp cùng ngành làm cho kỳ thu tiền bình quân giao động từ 80 ngày đến

100 ngày. Tuy nhiên, nếu vòng quay các khoản phải thu quá lớn, kỳ thu tiền bình quân quá nhỏ như MWG cũng không phải là tốt vì nó thể hiện chính sách thu nợ khách hàng của doanh nghiệp quá chặt chẽ. Điều đó cho thấy vòng quay các khoản phải thu và kỳ thu tiền bình quân của FPT tương đối hợp lý, có thể chấp nhận được.

Vòng quay của tài sản lưu động, tài sản cố định và vốn chủ sở hữu đều lớn hơn 1, còn vòng quay của tổng tài sản dao động từ 0,8 đến 0,88. So với các doanh nghiệp cùng ngành như PIA và MWG chúng ta thấy: Vòng quay tài sản cố định, vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn chủ sở hữu của FPT là thấp. Điều đó có nghĩa là doanh nghiệp sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu đều chưa hiệu quả so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

Bảng 6. Nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính giai đoạn 2018-2020 [1]

CHỈ TIÊU	FPT			PIA			MWG		
	2018	2019	2020	2018	2019	2020	2018	2019	2020
1. Hệ số Nợ (lần)	0,50	0,50	0,55	0,36	0,44	0,37	0,68	0,71	0,66
2. Hệ số Nợ trên Vốn CSH (lần)	1,07	1,05	1,31	0,56	0,77	0,6	2,13	2,43	1,97
3. Hệ số tự tài trợ (lần)	0,50	0,50	0,45	0,64	0,56	0,63	0,32	0,29	0,34

Nguồn: Báo cáo tài chính của FPT, PIA, MWG giai đoạn 2018-2020 và tính toán của tác giả

4.3.4. Phân tích nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính

Phân tích nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính (bảng 6) cho thấy: Hệ số nợ của công ty năm 2018 và 2019 là 0,5 có ý nghĩa là 1 đồng giá trị tài sản được tài trợ bằng 0,5 đồng nợ. Hệ số có giá trị là 0,55 vào năm 2020. Chỉ tiêu này cũng cho thấy: giai đoạn 2018-2020, nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng khoảng 50-55% tổng nguồn vốn. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của FPT có giá trị lớn hơn 1 cho thấy nợ phải trả luôn lớn hơn vốn chủ sở hữu, tài sản của doanh nghiệp được tài trợ chủ yếu bằng tiền đi vay và chiếm dụng vốn. Hệ số tự tài trợ của công ty hai năm 2018 và 2019 là 0,5, trong khi năm 2020 là 0,45. Hệ số này của FPT khá cao, vốn chủ sở hữu chiếm xấp xỉ 50% tổng nguồn vốn. Hệ số này thể hiện khả năng tự chủ, mức độ độc lập về mặt tài chính của doanh nghiệp. So với các doanh nghiệp cùng ngành như PIA và MWG chúng ta thấy: các hệ số đòn bẩy tài chính của FPT được đảm bảo ở ngưỡng trung bình, khá an toàn. Như vậy, với cấu trúc vốn của công ty trong giai đoạn này là Nợ phải trả 50% và Vốn chủ sở hữu 50%, công ty đã thể hiện được mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính tương đối tốt, đem lại hiệu quả kinh doanh khá cao và ổn định cho doanh nghiệp.

Qua phân tích các nhóm chỉ tiêu tài chính trong giai đoạn 2018-2020, chúng ta thấy được: so với các doanh nghiệp cùng ngành như PIA và MWG, nói chung tình hình tài chính của FPT khá tốt và ổn định với các chỉ tiêu tài chính quan trọng tăng đều qua các năm thể hiện hiệu quả tài chính của doanh nghiệp tương đối tốt. Tuy nhiên, hiệu suất sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp mặc dù vẫn đảm bảo nhưng chưa tốt thể hiện ở các vòng quay tài sản và vòng quay vốn chủ sở hữu thấp hơn một số doanh nghiệp cùng ngành như PIA và MWG.

4.4. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho FPT

4.4.1. Mở rộng quy mô kinh doanh và thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Là một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ, viễn thông và giáo dục. Qua phân tích có thể thấy: FPT có Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần cao và có xu hướng tăng dần, điều đó thể hiện doanh nghiệp sử dụng chi phí tốt đem lại nhiều doanh thu và lợi nhuận. FPT có thể tận dụng lợi thế này mở thêm nhiều công ty con, chi nhánh, cửa hàng ở các quốc gia trên thế giới và các tỉnh thành trong cả nước. Việc mở rộng thị trường

tiêu thụ vừa giúp FPT khẳng định được đẳng cấp và năng lực của mình vừa góp phần thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển.

4.4.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

Kết quả phân tích ở trên cho thấy: hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp thấp hơn một số doanh nghiệp khác cùng ngành. Trong thời gian tới, FPT nên áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản như xây dựng mô hình quản lý tiền và các khoản tương đương tiền; quản lý chặt chẽ các khoản phải thu; nâng cao trình độ và năng lực cán bộ quản lý tài sản; tăng cường công tác sửa chữa, nâng cấp và đầu tư đúng hướng các tài sản cố định, ...

4.4.3. Huy động thêm các nguồn vốn tài trợ

Theo phân tích ở trên cho thấy: Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không cao nhưng các hệ số về khả năng thanh toán (trong đó có khả năng thanh toán lãi vay) của doanh nghiệp khá cao vì vậy doanh nghiệp nên huy động thêm các nguồn vốn tài trợ như vốn vay dài hạn với lãi suất hợp lý để mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư vào các dự án lớn có thời gian đầu tư và thu hồi vốn lâu dài nhưng không nên huy động quá nhiều vốn cổ phần.

4.4.4. Rút dần các khoản vốn đầu tư vào công ty liên kết

Mấy năm gần đây, tình hình kinh tế khó khăn đặc biệt bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid, nhiều doanh nghiệp kinh doanh không mấy thuận lợi, lợi nhuận không cao, thậm chí còn thua lỗ, giải thể, phá sản. Phần lãi trong công ty liên kết của FPT cũng giảm mạnh trong giai đoạn 2018-2020. Vì vậy, việc rút dần các khoản vốn đầu tư vào công ty liên kết để chuyển sang đầu tư vào sản xuất kinh doanh sẽ mang lại nhiều lợi nhuận hơn cho doanh nghiệp.

5. Kết luận

Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp là giải pháp hàng đầu giúp cho các nhà quản lý và các đối tượng quan tâm khác có được những đánh giá chính xác nhất về hiệu quả tài chính của doanh nghiệp. Việc phân tích tình hình tài chính của tập đoàn FPT thông qua phân tích báo cáo tài chính, chúng ta có thể đánh giá được hiệu quả tài chính của doanh nghiệp là tương đối tốt với đa số các chỉ tiêu tài chính khả quan và có xu hướng tăng đều qua các năm trong giai đoạn 2018-2020. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản và nguồn vốn của FPT chưa ổn định; khoản lãi đầu tư vào công ty liên kết và lợi nhuận khác

còn nhỏ, giảm nhiều trong 3 năm gần đây; hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu so với các doanh nghiệp cùng ngành chưa cao,... Để nâng cao hiệu quả tài chính hơn nữa trong thời gian tới, FPT nên áp dụng thêm một số giải pháp như: Mở rộng quy

mô kinh doanh và thị trường tiêu thụ sản phẩm; Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản; Huy động thêm các nguồn vốn tài trợ; Rút dần các khoản vốn đầu tư vào công ty liên kết,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. CTCP Tin học viễn thông Petrolimex (PIA). (2017 - 2020). *Báo cáo tài chính của các CTCP FPT*, Truy cập ngày 15/02/2021. Từ <https://fpt.com.vn>, <https://mwg.vn>, <http://www.piacom.petrolimex.com.vn>.
- [2]. Nguyễn Văn Công. (2019). *Phân tích báo cáo tài chính*. Hà Nội: Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [3]. Mai Diễm Lan Hương (2017). *Phân tích hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài ở tỉnh Khánh Hòa*. Tạp chí công thương. Truy cập ngày 10/02/2021. Từ <http://tapchicongthuong.vn>
- [4]. Trương Đông Lộc, Trần Quốc Tuấn. (2009). *Phân tích hiệu quả tài chính của các cơ sở chế biến tơ xơ dừ ở tỉnh Trà Vinh*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Truy cập ngày 13/01/2021. Từ <http://sj.ctu.edu.vn>
- [5]. Nguyễn Ngọc Quang. (2016). *Phân tích báo cáo tài chính*. Hà Nội: Nxb Tài chính.
- [6]. Nguyễn Năng Phúc. (2013). *Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp*. Hà Nội: Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [7]. Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Hạnh Duyên. (2016). *Chỉ tiêu đánh giá cấu trúc và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp*. Tạp chí tài chính. Truy cập ngày 10/02/2021. Từ <http://tapchitaichinh.vn>

Thông tin tác giả:

Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Đơn vị công tác: Khoa HTTT Kinh tế - Trường Đại học CNTT và Truyền thông Thái Nguyên
- Địa chỉ email: ntthuy.thkt@ictu.edu.vn

Ngày nhận bài: 26/02/2021

Ngày nhận bản sửa: 25/03/2021

Ngày duyệt đăng: 30/03/2021